

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Về kết quả phát triển kinh tế - xã hội sau 25 năm tái lập tỉnh

I. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 25 NĂM TÁI LẬP TỈNH

Tỉnh Vĩnh Phúc được tái lập kể từ ngày 01/01/1997 theo Nghị quyết tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX. Khi tái lập, Vĩnh Phúc bắt tay vào xây dựng tỉnh với rất nhiều khó khăn thách thức như: diện tích tự nhiên nhỏ, chủ yếu là trung du và miền núi; tài nguyên khoáng sản nghèo nàn; kinh tế của tỉnh chủ yếu là nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển; số lượng doanh nghiệp ít; cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn thấp kém với 6 xã chưa có điện, tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa rất ít chủ yếu là đường đất,...

Với sự năng động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền; sự đoàn kết, đồng lòng vượt khó và ý chí vươn lên của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Vĩnh Phúc đã khai thác hiệu quả các tiềm năng, phát huy lợi thế, tranh thủ các nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng và phát triển. Sau 25 năm tái lập, tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu, mục tiêu của tỉnh cao hơn mức bình quân chung của cả nước và nằm trong TOP đầu của cả nước, tạo tiền đề để Vĩnh Phúc đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Kết quả cụ thể như sau:

1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Kinh tế của tỉnh có sự thay đổi mạnh mẽ sau 25 năm tái lập tỉnh. Trong giai đoạn 1997-2021, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh có năm tăng rất thấp (năm 2020 tăng 2,97%), thậm chí có năm tăng trưởng âm (năm 2012 âm 3,28%), nhưng do trong kỳ có nhiều năm tốc độ tăng trưởng đạt mức trên hai con số, cá biệt một số năm tăng trưởng trên 20% nên tính chung cả giai đoạn 25 năm qua tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt khá cao, bình quân tăng 13,42%/năm, trong đó ngành công nghiệp - xây dựng tăng 20,13%/năm (riêng công nghiệp tăng 21,44%/năm), ngành dịch vụ tăng 9,72%/năm và ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,85%/năm.⁽¹⁾

(1) Tăng trưởng bình quân các giai đoạn:

+ Giai đoạn 1997-2000 tăng bình quân đạt 21,82%/năm (trong đó CN-XD tăng 61,91%/năm, dịch vụ: 9,18%/năm và NLNTS: 6,35%/năm).

+ Giai đoạn 2001-2005 tăng bình quân 16,99%/năm (trong đó CN-XD tăng 19,9%/năm, dịch vụ: 11,93%/năm và NLNTS: 7,15%/năm).

+ Giai đoạn 2006-2010 tăng bình quân 18,8%/năm (trong đó CN-XD tăng 14,0%/năm, dịch vụ: 15,7%/năm và NLNTS: 6,07%/năm).

+ Giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 6,1%/năm (trong đó CN-XD tăng 10,14%/năm, dịch vụ: 6,68%/năm và NLNTS: 3,14%/năm).

+ Giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 7,03%/năm (trong đó CN-XD tăng 10,28%/năm, dịch vụ: 6,6%/năm và NLNTS: 1,93%/năm).

+ Năm 2021 ước tăng 8,02% so với năm 2020 (trong đó CN-XD tăng 12,98%, dịch vụ: 2,96% và NLNTS: 4,81%).

Quy mô giá trị tăng thêm theo giá hiện hành năm 2020 đạt 123,6 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 14 cả nước, thứ 6 trong vùng đồng bằng sông Hồng, ước năm 2021 đạt 136,2 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 69,6 lần so với năm 1997 (năm 1997: 1,96 nghìn tỷ đồng). GRDP bình quân đầu người liên tục tăng, vượt mức bình quân của cả nước. Tính đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người của tỉnh Vĩnh Phúc (giá hiện hành) đạt 105,5 triệu đồng/người (tương đương 4.500 USD), cao gấp 1,73 lần so với mức trung bình của cả nước (2.779 USD), đứng 5/11 tỉnh thuộc Vùng Đồng bằng sông Hồng và đứng vị trí thứ 10/63 tỉnh/thành phố cả nước. Ước năm 2021, GRDP bình quân đầu người toàn tỉnh đạt 114,3 triệu đồng/người (khoảng 4.800 USD), cao gấp 52,5 lần so với GRDP bình quân đầu người năm 1997 (năm 1997: 2,18 triệu đồng/người).

Cơ cấu kinh tế của tỉnh có sự chuyển dịch tích cực. Khu vực công nghiệp và xây dựng giữ vai trò đầu tàu trong tăng trưởng kinh tế và giữ tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu GRDP của tỉnh, ước năm 2021 tỷ trọng khu vực này chiếm đến 63,74% tổng giá trị tăng thêm của ba khu vực kinh tế (năm 1997 tỷ trọng khu vực này là 18,4%). Hai khu vực kinh tế còn lại là dịch vụ và nông, lâm nghiệp, thủy sản đều theo hướng giảm, trong đó: Khu vực dịch vụ giảm từ 36,48% năm 1997 xuống 28,43% và khu vực nông, lâm thủy sản giảm từ mức 45,13% năm 1997 xuống còn 7,83% tổng giá trị tăng thêm các ngành kinh tế năm 2021.

Cùng với tăng trưởng kinh tế về số lượng, chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh từng bước được nâng lên. Ước năm 2021, năng suất lao động của tỉnh đạt 212 triệu đồng/lao động/năm, tăng 20,5 lần so với năm 1997 (10,3 triệu đồng/lao động). Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp TFP vào tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 42,7%/năm chủ yếu là yếu tố vốn (cả nước 45,7%). Hiệu quả vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh ở mức khá với hệ số ICOR đạt khoảng 4-4,5, thấp hơn mức trung bình cả nước 5,18 giai đoạn 2016-2020.

2. Tài chính - ngân sách

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm đầu tái lập tỉnh mới chỉ đạt hơn 100 tỷ đồng và trong 25 năm qua có nhiều thời điểm gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và khu vực, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh,... nhưng Vĩnh Phúc luôn nằm trong TOP các địa phương trong cả nước có số thu cao nhất, là 1 trong 16 tỉnh có điều tiết về Ngân sách Trung ương và tỷ lệ điều tiết của tỉnh khá cao (47%). Trong 5 năm trở lại đây số thu ngân sách của bình quân hàng năm đạt từ 32-33 nghìn tỷ đồng, đặc biệt năm 2019 đạt trên 35 nghìn tỷ đồng, là tỉnh có số thu ngân sách đứng thứ 8 cả nước và thứ 4 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; năm 2020 mặc dù tác động của đại dịch Covid-19 nhưng tổng thu ngân sách của tỉnh vẫn đạt 32,59 nghìn tỷ đồng (trong đó thu nội địa đạt 27,86 nghìn tỷ đồng) và năm 2021 ước tổng thu ngân sách của tỉnh đạt 32,1 nghìn tỷ đồng (trong đó thu nội địa đạt 27,67 nghìn tỷ đồng), gấp 282 lần so với số thu ngân sách của năm 1997. Số thu ngân sách tăng cao đã tạo điều kiện cho gia tăng nguồn lực đầu tư cho hạ tầng kinh tế xã hội và thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội trên địa bàn.

Công tác quản lý chi ngân sách được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chi ngân sách hàng năm đảm bảo và phục vụ kịp thời nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó đặc biệt là chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, chính sách an

sinh xã hội,... tạo động lực thúc đẩy phát triển nhanh chóng hệ thống kết cấu hạ tầng cũng như phát triển nguồn nhân lực đáp ứng các nhu cầu phát triển. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2021 ước đạt 19,9 nghìn tỷ đồng, gấp gần 70 lần so năm 1997, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 9,0 nghìn tỷ đồng, gấp 141 lần so năm 1997.

3. Thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp

Ngay từ khi tái lập, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã xác định hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư là chìa khóa quan trọng để Vĩnh Phúc phát triển. Từ đó, Đảng bộ, chính quyền các cấp trong tỉnh đã có những hướng đi mang tính đột phá để trở thành “điểm sáng” của cả nước về công tác thu hút đầu tư. Tỉnh đã thành lập bộ phận chuyên trách nhằm tạo sự chuyên nghiệp trong xúc tiến và thu hút đầu tư. Chú trọng đặc biệt đến cải thiện môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh, trong đó coi trọng hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ bằng giải pháp quan tâm và giải quyết ngay các khó khăn cho doanh nghiệp đang đầu tư tại tỉnh. Triển khai mô hình và duy trì thường xuyên chương trình “*Lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc gặp gỡ với doanh nhân hằng tuần*”, vận hành công thông tin đối thoại doanh nghiệp - chính quyền để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, lắng nghe ý kiến tham vấn, đề xuất của doanh nghiệp về những cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư. Thường xuyên, liên tục cải cách hành chính mà trọng tâm là đơn giản hóa các thủ tục hành chính, trong đó nổi bật là tỉnh đã thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện. Các Đề án, Chương trình hành động nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được ban hành và thực hiện hiệu quả. Nhiều chính sách, giải pháp cụ thể về thu hút đầu tư đã được ban hành và tổ chức thực hiện tốt. Tỉnh xác định quan điểm trong thu hút đầu tư là rà soát, lựa chọn rất kỹ các nhà đầu tư, dự án khi đầu tư vào Vĩnh Phúc. Nhà đầu tư phải là những doanh nghiệp có công nghệ tiên tiến, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế. Cơ chế điều hành thu hút đầu tư được tỉnh thực hiện mềm dẻo, linh hoạt, căn cứ cụ thể vào tính chất dự án mà tỉnh sẽ quyết định chấp thuận đầu tư. Với sự quan tâm đặc biệt của tỉnh, kết quả thu hút đầu tư của tỉnh đã tăng rất cao, nếu như năm 1998 trên địa bàn tỉnh mới chỉ có 8 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và 1 dự án có vốn đầu tư trong nước (DDI) thì đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh đã có 429 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký là 7,1 tỷ USD của 20 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào tỉnh, trong đó có các quốc gia phát triển như Mỹ, Nhật, các quốc gia Châu Âu và 824 dự án DDI với tổng vốn đầu tư là gần 110 nghìn tỷ đồng.

Cùng với việc đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, Tỉnh ủy, UBND tỉnh xác định nhân tố quan trọng để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững chính là các doanh nghiệp trong nước nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp với từng giai đoạn, đặc biệt tỉnh đã tạo bước đột phá về chính sách khi Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV ban hành Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 14/01/2013 về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa đến năm 2020 với nhiều nhiệm vụ, giải pháp quan trọng. Kết quả sau 25 năm tái lập tỉnh, số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển vượt bậc cả về số lượng, quy mô, cơ cấu và chất lượng, cụ thể năm 1997 chỉ có 91 doanh nghiệp đăng ký hoạt động với số vốn 57 tỷ đồng nhưng ước đến hết năm 2021 toàn tỉnh có trên 13 nghìn doanh nghiệp (tăng 141 lần so với năm 1997) với số vốn đăng ký đạt trên 150 nghìn tỷ đồng, số lượng doanh nghiệp thực tế hoạt

động chiếm khoảng 70% doanh nghiệp đăng ký đã và đang đóng góp tích cực vào tăng trưởng, thu ngân sách và giải quyết việc làm cho nhân dân trong tỉnh. Các ngành nghề kinh doanh ngày càng đa dạng, phong phú với nhiều ngành nghề mới như: các ngành sản xuất, điện tử, dệt may, gốm sứ, thiết bị điện, chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, chế biến gỗ. Công tác tổ chức sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước được triển khai tốt và được Chính phủ tuyên dương, sau khi tái cơ cấu, các doanh nghiệp nhà nước đã từng bước hoàn thiện tổ chức quản lý, quản trị doanh nghiệp, đã giải phóng và phát huy tối đa các nguồn lực để phát triển. Kinh tế tập thể được quan tâm, các hợp tác xã từng bước được đổi mới và phát triển, một số mô hình hợp tác xã kiểu mới đã bước đầu hình thành đã và đang góp phần quan trọng trong việc khôi phục, phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động khu vực nông thôn, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh.

4. Xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới

Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng có nhiều đột phá, thay đổi về tư duy, cách làm. Phân cấp quyết định đầu tư được thực hiện mạnh mẽ và quyết liệt gắn với phân cấp, phân quyền và phân trách nhiệm. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực là động lực cho phát triển. Nguồn lực đầu tư được tập trung cho các công trình thuộc hạ tầng khung đô thị, công trình phúc lợi xã hội, công trình hạ tầng kỹ thuật và với cách làm mới đã có nhiều công trình rút ngắn được thời gian thi công, hiệu quả đầu tư được nâng lên.

Sau 25 năm tái lập, hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu của tỉnh đặc biệt là hệ thống giao thông, thủy lợi và thông tin liên lạc đã được cải thiện một cách rõ rệt. Nhiều lĩnh vực hạ tầng vượt trội so với các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng và các tỉnh lân cận. Khi mới tái lập, các tuyến đường quốc lộ chủ yếu là đá rậm, cấp phối đến nay đều được nhựa hóa 100%, ngoài ra tuyến đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai chạy qua tỉnh với 3 điểm lên/xuống đã và đang là điều kiện thuận lợi để kết nối với các tỉnh phía Bắc và vùng đồng bằng Sông Hồng. Các tuyến đường tỉnh khi mới tái lập chất lượng rất kém, các tuyến huyện lộ đều là đường cấp phối xuống cấp nghiêm trọng, đến nay đã cứng hóa đạt 100% và các tuyến đường từ trung tâm hành chính tỉnh đến trung tâm huyện đều được mở rộng, cải tạo nâng cấp. Các tuyến giao thông nông thôn năm 1997 mới cứng hóa đạt 2,6% đến nay đã kiên cố hóa đạt 95% và giao thông nội đồng cứng hóa đạt 65%. Các tuyến giao thông quan trọng đã được hình thành, nâng cấp và mở rộng như: Đường từ cầu Bì La đi Lập Thạch; Đường Hợp Thịnh - Đạo Tú; Hợp Châu - Đồng Tĩnh; Văn Quán đi Sông Lô; Tây Thiên - Tam Sơn; Đường nối từ Đường Hợp Châu - Đồng Tĩnh đi Tây Thiên; Đường Tây Thiên - Bến Tắm; Đường vành đai 3; Đường QL2 đi cầu Phú Hậu; Mở rộng cầu Bì La... Các tuyến đường hướng tâm cơ bản đã hoàn thành. Nhiều tuyến đường nội thị chính thành phố Vĩnh Yên và Phúc Yên và nhiều tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ, ... đã được đầu tư, cải tạo nâng cấp đạt chất lượng tốt. Ngoài ra, hệ thống giao thông tỉnh như các bến xe, điểm đỗ xe buýt được đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển.

Hạ tầng cung cấp điện thường xuyên được đầu tư nâng cấp, 100% số xã đạt tiêu chí số 4 về điện theo chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Các công trình cấp nước sạch được quan tâm đầu tư như: dự án mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vĩnh Yên; dự án Nhà máy nước Đức Bác, Nhà máy nước sông

Hồng, Nhà máy nước sông Lô, qua đó nâng tỷ lệ dân cư đô thị loại IV trở lên được cung cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 92% vào năm 2021. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải từng nước được quan tâm đầu tư, nhằm giảm ngập úng vào mùa mưa và cải thiện môi trường. Nhiều tuyến kênh tiêu đã được đầu tư nạo vét; đã triển khai dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vĩnh Yên; dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc. Triển khai đầu tư, cải tạo hệ thống rãnh thoát nước thải khu vực nông thôn. Hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp, đã kiên cố hóa 100% kênh loại I, II và 98% kênh loại III, 1/3 số công trình đầu mối hồ đập, trạm bơm được đầu tư cải tạo, nâng cấp theo tiêu chuẩn thiết kế mới, sử dụng đa mục tiêu. Nhiều công trình y tế lớn cũng đã được triển khai đầu tư xây dựng, nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân như Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh; Một số công trình y tế tuyến huyện đã và đang được triển khai đầu tư, hoàn thiện như: Trung tâm y tế huyện Tam Đảo, Phúc Yên; Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Tường, Sông Lô; Cải tạo nâng cấp 69 trạm y tế xã,... Hoàn thành một số công trình trường THPT mới hiện đại như: trường PTTH chuyên Vĩnh Phúc, trường THPT Nguyễn Thị Giang, trường THPT Trần Hưng Đạo và cải tạo, nâng cấp hệ thống trường học trên địa bàn. Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển. Nhìn chung các công trình hạ tầng đã được tập trung đầu tư đã góp phần thay đổi diện mạo, cảnh quan đô thị, đồng thời nâng cao hiệu quả đầu tư.

Phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển đô thị là chiến lược được Vĩnh Phúc xác định và kiên trì thực hiện từ khi tái lập tỉnh đến nay. Sau 25 năm tái lập, đi cùng với kinh tế, hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư từng bước hoàn thiện, diện mạo đô thị văn minh, hiện đại, thành phố trực thuộc Trung ương đang dần hiện hữu. Tỉnh đã đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch; ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các công trình có khả năng thu hồi vốn như: Các tuyến giao thông trục chính, hệ thống cấp nước, hệ thống điện, hạ tầng viễn thông công nghệ thông tin...; nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cả hệ thống chính trị và nhân dân về hoàn thiện hạ tầng đô thị; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong xã hội để người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng đầu tư hạ tầng đô thị; tăng cường thu hút các nguồn vốn, nhất là nguồn vốn xã hội hóa, vốn ngân sách Trung ương, vốn vay ODA... Nhờ vậy đến nay, toàn tỉnh đã có gần 30 đô thị, trong đó, thành phố Vĩnh Yên là đô thị loại II giữ vai trò trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của tỉnh, thành phố Phúc Yên là đô thị loại III và các đô thị khác thuộc các huyện, tỷ lệ dân số đô thị khoảng 46%. Hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư hoàn thiện trong đó nhiều dự án lớn, trọng điểm không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhân dân mà còn tạo điểm nhấn quan trọng trong không gian đô thị Vĩnh Phúc như: Công viên Quảng trường Hồ Chí Minh; Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc; Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Sản - Nhi Vĩnh Phúc; khu công viên giải trí thành phố Vĩnh Yên; khu công viên cây xanh các huyện Lập Thạch, Tam Đảo, Vĩnh Tường, Yên Lạc; nâng cấp, sửa chữa hạ tầng các khu du lịch Tam Đảo, Tây Thiên, Đại Lải; đường giao thông kết hợp đê ngăn nước Đầm Vạc; cầu Đầm Vạc; hệ thống chiếu

sáng Quốc lộ 2B,... Cơ sở hạ tầng đô thị từng bước được hoàn thiện, thành phố Vĩnh Phúc văn minh, hiện đại, đáng sống đang dần hiện hữu.

Song song với phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới của tỉnh cũng được chú trọng và đã đạt được những kết quả quan trọng. Tỉnh đã sớm hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới từ năm 2011; huy động cả hệ thống chính trị, các tổ chức và người dân cùng tham gia xây dựng nông thôn mới; thay đổi cách chỉ đạo và triển khai, lựa chọn các xã làm điểm, phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo từng xã, từng tiêu chí, ưu tiên nguồn lực đầu tư; ban hành hệ thống cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư đồng bộ, công khai, phân cấp rõ ràng, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, quyết liệt chỉ đạo tập trung vốn đầu tư hàng năm để hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới. Đến hết năm 2021 toàn tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 36 thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 6/9 huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 20-22 sản phẩm được cấp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm OCOP.

5. Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh

5.1. Sản xuất công nghiệp

Trong nhiều khóa Đại hội Đảng bộ tỉnh đều kiên định chủ trương lấy công nghiệp làm nền tảng và với phương châm “*Tất cả các nhà đầu tư đến Vĩnh Phúc đều là công dân của Vĩnh Phúc*”, trên cơ sở đó tỉnh đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp như: chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ; lựa chọn các nhà đầu tư đủ năng lực để đầu tư hạ tầng khu công nghiệp; giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi; giảm giá thuê đất và gia hạn nộp thuế đất; huy động nguồn kinh phí ứng trước từ doanh nghiệp để giải phóng mặt bằng nhanh; đẩy mạnh cải cách hành chính nhất là cải cách các thủ tục hành chính; hoàn thiện hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp, ... thường xuyên cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh.

Với những quyết tâm và nỗ lực của tỉnh, số lượng khu công nghiệp trên địa bàn đã phát triển mạnh, thời điểm tái lập tỉnh mới chỉ có 1 khu công nghiệp Kim Hoa với quy mô 50ha và ước đến hết năm 2021 trên địa bàn tỉnh có 14 KCN đã thành lập, được quyết định chủ trương đầu tư, trong đó có 8 KCN đi vào hoạt động với tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê, đăng ký thuê 893,47 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 50,72%. Nhìn chung, các khu công nghiệp của tỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào ngày càng được hoàn thiện nhất là các công trình quan trọng, thiết yếu như: nhà máy xử lý nước thải; đường giao thông; hệ thống chiếu sáng; cây xanh;... nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng các KCN hiện có, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, để thu hút thêm các nhà đầu tư thứ cấp, tăng tỷ lệ lấp đầy các KCN. Đến nay, cơ bản các KCN đã đi vào hoạt động có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư thứ cấp; một số khu đã được chủ động xây dựng, tạo ra quỹ đất sạch với mức giá cho thuê hạ tầng hợp lý, tạo được lợi thế cạnh tranh với các tỉnh thành lân cận như: khu công nghiệp Bá Thiện, Bá Thiện II, Bình Xuyên II, Thăng Long Vĩnh Phúc,... Tỉnh đã thu hút được một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn vào đầu tư và sản xuất ra những sản phẩm chủ lực, tạo công ăn việc làm cho hàng vạn lao động, đóng góp chủ yếu cho ngân sách tỉnh, gia tăng kim ngạch xuất khẩu cho tỉnh như: tập đoàn Toyota Việt Nam, Honda Việt Nam, Piaggio, Deawoo bus,

tập đoàn Prime, thép Việt Đức, một số doanh nghiệp sản xuất linh kiện điện tử,... quy mô giá trị tăng thêm theo giá hiện hành năm 2020 ngành công nghiệp của tỉnh đứng thứ 15 cả nước, chiếm tỷ trọng 2% giá trị công nghiệp cả nước.

Cùng với phát triển các KCN sản xuất tập trung, tiêu thủ công nghiệp làng nghề được quan tâm đầu tư phát triển. Thông qua Chương trình khuyến công, ngân sách tỉnh đã hỗ trợ hàng chục tỷ đồng đào tạo, truyền nghề, xây dựng các mô hình trình diễn,.. giúp các làng nghề bảo tồn và phát triển. Đến nay, hầu hết các làng nghề đều phát triển mạnh, phát huy tiềm năng, không ngừng cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm. Nhiều làng nghề truyền thống đã khẳng định được vị thế trên thị trường như: làng nghề rắn Vĩnh Sơn; làng nghề đá Hải Lựu; các làng nghề mộc ở Thanh Lãng, Bích Chu, Thủ Độ; làng nghề mây tre đan Cao Phong... Sự phát triển của các làng nghề đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm cho một lượng lớn lao động ở nông thôn, chuyển từ lao động nông nghiệp sang làm nghề với mức thu nhập tăng cao.

Do đó, sau 25 năm tái lập, với đường lối, chủ trương, quan điểm phát triển đúng đắn; sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, chặt chẽ, đồng bộ của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tạo cho ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm liền sau khi tách tỉnh và trở thành nền tảng của nền kinh tế.

5.2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Kể từ khi tái lập tỉnh đến nay, Vĩnh Phúc luôn quan tâm đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và đã có nhiều cơ chế, chính sách, hành động cụ thể đi tiên phong trong cả nước, điển hình là việc ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2001- 2005 và Nghị quyết 03/NQ-TU về phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống nông dân. Trên cơ sở đó HĐND, UBND tỉnh đã cụ thể bằng nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ qua đó sản xuất nông nghiệp ngày càng đa dạng về cơ cấu sản phẩm và loại hình tổ chức. Loại hình sản xuất quy mô vừa và lớn dần được hình thành, kinh tế trang trại sản xuất hàng hóa, đặc biệt là trang trại chăn nuôi, thủy sản bắt đầu phát triển. Chăn nuôi đã thực sự trở thành mũi nhọn, đột phá trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Vĩnh Phúc là một trong những tỉnh dẫn đầu miền Bắc về sản xuất ba vụ ổn định trong năm, trong đó vụ đông là vụ sản xuất hàng hóa.

Cơ cấu giống, cây trồng, mùa vụ chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với điều kiện các vùng sinh thái và địa phương trong tỉnh. Một số vùng sản xuất tập trung quy mô lớn được hình thành và gieo trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như bí đỏ, bí xanh, cà chua, su su, dưa các loại,... hiệu quả tăng gấp 3-4 lần so với cây trồng truyền thống. Cơ giới hóa được áp dụng ở hầu hết các khâu trong sản xuất. Một số sản phẩm có thương hiệu và xuất khẩu như: thanh long ruột đỏ, ớt quả, dưa chuột, su su, chuối tiêu hồng,... Nhiều giống lúa mới có năng suất, chất lượng như: Thiên ưu 8, RVT, HT1, TH3-3, DQ11, GS9,... được đưa vào sản xuất đã đưa năng suất lúa từ 34,2 tạ/ha năm 1997 lên 60 tạ/ha năm 2021. Một số loại cây lâu năm có giá trị kinh tế cao như Trà hoa vàng, Cát sâm, Hà thủ ô đỏ, Ba kích,... đã và đang được người dân tăng diện tích gieo trồng. Dồn thửa đổi ruộng đã được tỉnh thực hiện thí điểm tại 02 xã Ngũ Kiên, Cao Đại của huyện Vĩnh Tường và đang triển khai kế hoạch nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

Chăn nuôi phát triển mạnh cả về chất và lượng, đang từng bước khẳng định là ngành sản xuất chính, đem lại giá trị thu nhập cao cho nông dân. Hoạt động sản xuất đã gắn với đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, hình thành các mô hình chuỗi liên kết chăn nuôi - giết mổ - tiêu thụ thịt lợn, thịt gà an toàn và trứng gà sạch. Các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi được áp dụng rộng rãi đã góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Nhiều giống gia súc, gia cầm có chất lượng tốt được đưa vào sản xuất. Chăn nuôi lợn và gia cầm là thế mạnh của tỉnh và phát triển mạnh theo hướng công nghiệp, góp phần quan trọng trong thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung lớn như: Chăn nuôi lợn ở Lập Thạch, Yên Lạc; chăn nuôi gia cầm ở Tam Dương, Tam Đảo; chăn nuôi bò sữa tại Vĩnh Tường, Lập Thạch, Tam Đảo... Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng từ 22,6 nghìn tấn năm 1997 lên 119,5 nghìn tấn năm 2021. Tổng đàn lợn, đàn bò, đàn gia cầm tăng mạnh, trừ đàn trâu có xu hướng giảm do cơ giới hóa nông nghiệp và diện tích chăn thả bị thu hẹp.

Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng từ 2,6 nghìn ha năm 1997 lên 6,43 nghìn ha năm 2021. Tổng sản lượng nuôi trồng cá thịt tăng từ 2,3 nghìn tấn lên 23,5 nghìn tấn. Hình thức và đối tượng nuôi trồng ngày càng được cải tiến và đa dạng hóa, từ hình thức quảng canh và quảng canh cải tiến, nuôi ghép với đối tượng nuôi là cá truyền thống đã chuyển sang nuôi trồng theo hình thức bán thâm canh và thâm canh với nhiều giống cá cho năng suất cao như rô phi đơn tính, cá chép lai, cá chim trắng,... Nhiều điển hình nuôi cá có hiệu quả cho lợi nhuận trên 100 triệu đồng/ha, gấp 2-3 lần so với mô hình nuôi cá truyền thống theo phương thức quảng canh cải tiến. Ngoài nuôi chính vụ, một số hộ còn nuôi cá qua đông cho hiệu quả kinh tế cao, giúp khép kín nuôi 2 vụ/năm và nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích mặt nước. Người dân đã quan tâm đầu tư nuôi trồng một số thủy sản có giá trị cao như: cá tầm, ba ba, nuôi trai nước ngọt lấy ngọc, ếch, tôm càng xanh, cá sấu,...

5.3. Các lĩnh vực dịch vụ

Chất lượng các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng lên. Kinh doanh thương mại phát triển mạnh với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế theo hướng hiện đại, văn minh kết hợp với hình thức truyền thống. Một số trung tâm thương mại, siêu thị lớn như BigC, CorpMart... được hình thành và hoạt động trên địa bàn tỉnh. Hệ thống các cửa hàng tiện lợi kinh doanh theo phương thức hiện đại được phát triển ở nhiều khu vực dân cư. Chợ truyền thống được cải tạo, nâng cấp và duy trì hoạt động. Nhiều loại hình mua bán tự phục vụ khác phát triển nhanh. Hàng hóa cung ứng trên thị trường đa dạng và phong phú, mạng lưới phân phối được mở rộng và phủ khắp đến các vùng nông thôn, giữ vững cân đối cung cầu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của dân cư.

Hệ thống nhà hàng, khách sạn được đầu tư, nâng cấp ngày càng hiện đại và tiện nghi, đáp ứng nhu cầu của khách trong và ngoài nước. Trên địa bàn tỉnh hiện có 4 khách sạn 5 sao, 1 khách sạn 4 sao, 88 khách sạn 3 sao và nhiều cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn. Hạ tầng du lịch nhất là ở các khu du lịch trọng điểm như: Khu du lịch Tam Đảo, Khu danh thắng Tây Thiên, Khu du lịch Đại Lải,... được đầu tư, nâng cấp. Hệ thống giao thông kết nối các khu du lịch cơ bản được hoàn thiện và thường

xuyên bảo trì, hạn chế xảy ra tình trạng tắc nghẽn giao thông vào mùa lễ hội, du lịch. Các loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, lễ hội tâm linh, du lịch cộng đồng (homestay), du lịch kết hợp với hội nghị, hội thảo (du lịch MICE), du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần, du lịch nông thôn,... đã và đang được phát triển. Một số tour, tuyến du lịch mới như: Tour một ngày chinh phục 3 đỉnh Tam Đảo, tour du lịch Con đường Tâm Linh, tuyến du lịch Thanh Lanh Ngọc Bội - Thác Bản Long, Tuyến Vân Trục - Bò Lạc - Sáng Sơn, khu sinh thái vườn cò Hải Lựu,... được đưa vào khai thác và thu hút được đông đảo sự lựa chọn của du khách. Lượng khách tham quan, nghỉ dưỡng tại tỉnh tăng đáng kể, năm 1997 toàn tỉnh đón 45 nghìn lượt khách (trong đó khách quốc tế 2,5 nghìn lượt, khách nội địa 42,5 nghìn lượt) đến năm 2021 tổng lượt khách ước đạt khoảng 2,0 triệu (trong đó khách quốc tế là 23,75 nghìn lượt). Dịch vụ vận tải có những chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng phục vụ. Cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư nâng cấp; mạng lưới xe buýt được hình thành, kết nối với thành phố Hà Nội và đến tất cả các huyện, thành phố; nhiều hãng taxi, doanh nghiệp vận tải được thành lập, hoạt động có hiệu quả đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển và đi lại của nhân dân. Dịch vụ thông tin liên lạc trong tỉnh phát triển khá nhanh, đáp ứng được nhu cầu thông tin liên lạc trong quản lý, kinh doanh và đời sống xã hội. Các dịch vụ bưu chính cơ bản được triển khai đến tận thôn, 100% xã, phường có điểm phục vụ bưu chính. Dịch vụ điện thoại di động được phủ sóng toàn tỉnh. Dịch vụ tài chính, tín dụng phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng, từ chỗ chỉ có 3 chi nhánh Ngân hàng thương mại Nhà nước, đến nay mạng lưới các tổ chức tín dụng có hơn 20 chi nhánh cấp I và các chi nhánh, phòng giao dịch, quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và điểm giao dịch của ngân hàng chính sách, nguồn vốn tín dụng đã và đang góp phần hỗ trợ thị trường, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội ở địa phương.

6. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội

6.1. Văn hoá thể thao, phát thanh truyền hình

Các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc được quan tâm. Nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể mang đậm bản sắc văn hóa Vĩnh Phúc đã được nghiên cứu, sưu tầm và từng bước được hệ thống hóa. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đã nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân. Nhiều giá trị văn hóa dân tộc, di tích, di sản được bảo tồn, phát huy, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao rõ rệt, bộ mặt nông thôn mới có nhiều khởi sắc. Việc thực hiện nếp sống văn minh, trong việc cưới, việc tang, lễ hội, xây dựng môi trường văn hóa an toàn, lành mạnh được người dân hưởng ứng thực hiện có hiệu quả, các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan dần được xóa bỏ. Toàn tỉnh hiện có 1.304 di tích, trong đó 68 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và quốc gia đặc biệt, 420 di tích cấp tỉnh. Những di tích lớn như Tây Thiên, chùa Hà Tiên, Bảo tàng tỉnh... và các di tích có kiến trúc nghệ thuật độc đáo như Văn Miếu tỉnh, Tháp Bình Sơn, đình Hương Canh, đình Thổ Tang, chùa Tùng Vân, chùa Biện Sơn, chùa Kim Đường, đền Bắc Cung, đền Bà Chúa Thượng Ngàn... đã và đang được trùng tu, tôn tạo giữ được nét đẹp kiến trúc truyền thống.

Công tác tổ chức và quản lý lễ hội trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực, đảm bảo đúng nghi lễ, hình thức phù hợp, phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống. Nhiều trò chơi, trò diễn dân gian truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa

được khôi phục như: vật dân tộc, cờ người, kéo co,... Một số lễ hội phát huy tốt công tác xã hội hóa, nâng cao quy mô thu hút khách tham quan trong và ngoài nước. Trên địa bàn tỉnh hiện có 3 loại hình di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh vào các danh sách của UNESCO gồm: Hát ca trù của người Việt (ghi danh năm 2009), nghi lễ và trò chơi kéo co (ghi danh năm 2015), Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt (ghi danh năm 2016); 7 di sản phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gồm: Hát ca trù, kéo song, lễ hội đền Ngự Dội, hát Soọng cô của người Sán Dìu, hát trống quân Đức Bắc, tín ngưỡng thờ Mẫu Tây Thiên và lễ hội xã Đại Đồng.

Hoạt động thể thao quần chúng được triển khai tích cực. Số người thường xuyên tham gia tập luyện ngày càng tăng với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Các môn thể thao truyền thống như vật dân tộc, kéo co, bơi chải, cờ tướng... được nhân dân tiếp tục giữ gìn và tổ chức thi đấu thường xuyên gắn với việc tổ chức các lễ hội truyền thống. Một số môn thể thao mới như: Yoga, GYM, Dansport, Bóng chuyền hơi... đã và đang phát triển. Thể thao thành tích cao phát triển khởi sắc, từng bước được khẳng định, nhiều môn có đủ 3 tuyến vận động viên (năng khiếu, tuyển trẻ và đội tuyển). Các môn thể thao mũi nhọn của tỉnh trong những năm qua đã giành nhiều thành tích tại các kỳ thi đấu quốc gia, quốc tế như: Đua thuyền, Pencak Silat, Bắn súng...

Hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, văn học nghệ thuật được cải thiện cả về hình thức lẫn nội dung, đã đáp ứng tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh, góp phần quan trọng trong việc nâng cao dân trí. Từ 01/01/2013, Truyền hình Vĩnh Phúc đã đưa vào sử dụng hệ thống phát sóng trên vệ tinh Vinasat 2 nhằm nâng cao chất lượng truyền hình của tỉnh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về thông tin văn hóa của đông đảo tầng lớp nhân dân trong thời kỳ hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế quốc tế.

6.2. Giáo dục và đào tạo

Những năm qua, ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh đã không ngừng phát triển cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp phát triển của tỉnh.

Thời điểm mới tái lập, đội ngũ giáo viên của tỉnh còn thiếu, cơ sở vật chất trường lớp còn nghèo nàn, lạc hậu (năm học 1998-1999 toàn tỉnh mới có 37% phòng học cao tầng). Để khắc phục những hạn chế đó và đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết, đề án, chương trình, kế hoạch nhằm thực hiện chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo. Đến nay hệ thống mạng lưới trường lớp từ mầm non đến phổ thông tiếp tục được quy hoạch và đầu tư cơ bản hoàn chỉnh. Việc sắp xếp, bố trí lại mạng lưới các trường học được thực hiện tốt. Cơ sở vật chất thiết bị dạy học tiếp tục được trang bị đồng bộ theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và được điều chỉnh phù hợp yêu cầu thực tế của từng cấp học. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm đầu tư, đến năm 2019 đã có 100% trường công lập đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được bổ sung đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ được nâng cao... Vĩnh Phúc là tỉnh thứ 5 của toàn quốc được công nhận đạt chuẩn phổ cập mẫu giáo 5 tuổi vào năm 2013 và đạt phổ cập tiểu học mức độ 2 năm 2014. Chất lượng giáo dục toàn diện chuyển biến tích cực,

các chỉ số chung của toàn tỉnh đều vượt các tiêu chí do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi đạt nhiều thành tích nổi bật là thế mạnh của tỉnh. Số lượng và chất lượng học sinh giỏi quốc gia ổn định ở mức cao so với các tỉnh, thành trong cả nước. Học sinh Vĩnh Phúc có mặt ở tất cả các sân chơi trí tuệ cấp quốc gia, khu vực và quốc tế và luôn đạt thứ hạng cao, nhiều học sinh đạt huy chương trong các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế. Vĩnh Phúc luôn được đánh giá là một trong những tỉnh, thành có chất lượng giáo dục tốt nhất cả nước. Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được thực hiện tốt. Giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục thường xuyên được quan tâm đầu tư. Hệ thống mạng lưới cơ sở dạy nghề được kiện toàn và củng cố theo hướng thu gọn đầu mối, nâng cao chất lượng; dạy nghề đã từng bước gắn với giải quyết việc làm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2021 ước đạt 77,6%, trong đó lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ đạt 34,7%.

6.3. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 03-NQ/TU ngày 05/12/2016 về phát triển sự nghiệp y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đến năm 2020 và được UBND tỉnh cụ thể hóa triển khai hiệu quả, theo đó tỉnh đã đầu tư xây dựng và hoàn thành một số công trình lớn như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh quy mô 1.000 giường bệnh (giai đoạn I), Bệnh viện Sản - Nhi quy mô 500 giường bệnh, các bệnh viện và Trung tâm y tế tuyến huyện (Tam Đảo, Vĩnh Tường, Phúc Yên, Sông Lô,...). Ngoài việc đầu tư tăng quy mô giường bệnh cho các cơ sở y tế thuộc tỉnh quản lý, tỉnh đã đầu tư khoa khám chữa bệnh nhân dân thuộc Bệnh viện Quân y 109 đóng trên địa bàn góp phần giảm tải cho các bệnh viện tuyến tỉnh; ước đến hết năm 2021 tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 39 giường tăng 30,1 giường/vạn dân so với năm 1997. Trang thiết bị y tế cũng được chú trọng đầu tư, góp phần phát triển các dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến, nhất là các kỹ thuật chuyên sâu tại bệnh viện tuyến tỉnh. Công tác phòng chống dịch bệnh, giám sát dịch bệnh được thực hiện ở cả 3 tuyến nhằm phát hiện và xử lý kịp thời, đặc biệt khi Vĩnh Phúc là một trong các địa phương đầu tiên của cả nước có ca bệnh Covid-19 nhưng đã kiểm soát tốt. Các Chương trình mục tiêu y tế - dân số được triển khai có hiệu quả, nhiều chỉ tiêu vượt mức trung bình của cả nước. Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Tinh thần thái độ phục vụ người bệnh có nhiều tiến bộ. Các đơn vị ngành y tế đã cải cách thủ tục hành chính, công khai minh bạch thu giá dịch vụ y tế, giảm thời gian chờ đợi của người bệnh. Hàng năm, các đơn vị y tế triển khai trung bình từ 130 đến 150 dịch vụ kỹ thuật mới, một số kỹ thuật vượt tuyến, chuyên sâu như nút mạch máu u xơ tử cung, chụp và can thiệp mạch máu não, nút mạch gan, phẫu thuật u tủy, vi phẫu, xạ hình xương, can thiệp mạch, điều trị nhồi máu não sớm... được triển khai tại Bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi, Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên) đã góp phần cứu sống nhiều bệnh nhân nặng, giảm tỷ lệ chuyển tuyến. Công tác đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế được chú trọng thông qua việc tăng cường cử cán bộ đi đào tạo hoặc luân phiên cán bộ y tế xuống tuyến dưới để chuyển giao gói kỹ thuật, hội chẩn từ xa với các bệnh viện trung ương để trao đổi về chuyên môn,... đưa tỷ lệ bác sỹ/vạn dân ước năm 2021 gấp 5,4 lần năm 1997 (năm 1997 là 2,6 bác sỹ/vạn dân, năm 2021 ước đạt 14 bác sỹ/vạn dân).

6.4. Giải quyết việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội

Công tác giải quyết việc làm được tỉnh đặc biệt quan tâm và thực hiện bằng nhiều hình thức và nguồn vốn khác nhau. Năm 2011, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND về một số cơ chế chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm và giảm nghèo đã tạo sự thay đổi quan trọng trong dạy nghề và giải quyết việc làm của tỉnh. Hoạt động tư vấn, giới thiệu và giải quyết việc làm được tăng cường. Sàn giao dịch việc làm của tỉnh tổ chức 2 phiên/tháng và các phiên lưu động tại các huyện; ngoài ra việc hình thành các trung tâm tư vấn, giới thiệu việc làm của các cơ sở dạy nghề và các tổ chức đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh...) đã cung cấp nhiều thông tin cần thiết về thị trường lao động và mở ra cho người lao động nhiều cơ hội việc làm. Các dự án vay vốn tạo việc làm, dự án hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài và các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm được thực hiện hiệu quả. Bình quân hằng năm giải quyết việc làm cho trên 20 nghìn lao động, đã góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Hệ thống an sinh xã hội ngày càng đồng bộ và hoàn thiện với diện bao phủ không ngừng được mở rộng. Ngay những năm đầu sau khi tái lập, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã hoạch định và triển khai nhiều chính sách an sinh xã hội quan trọng, huy động được nhiều nguồn lực của toàn xã hội để trợ giúp cho các đối tượng xã hội. Bình quân mỗi năm ngân sách tỉnh hỗ trợ trên 300 tỷ đồng thực hiện chính sách cho các đối tượng. Chính sách đối với hộ nghèo, người nghèo được thực hiện tốt. Các phong trào “Tương thân, tương ái”, “Quỹ vì người nghèo”, “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” được tổ chức thường xuyên và thu hút sự hưởng ứng của xã hội. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh còn 0,44% năm 2021. Toàn tỉnh không còn hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách người có công. 100% các xã đạt tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo trong xây dựng nông thôn mới. Các chế độ chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng được thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời. 100% số bà mẹ Việt Nam anh hùng được phụng dưỡng. Các chế độ, chính sách BHXH, BHYT được giải quyết kịp thời, đúng định mức, đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH ước đạt 36,7% vào năm 2021. Các dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ phát triển mạnh mẽ. Công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em đạt nhiều kết quả tích cực, 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí; các chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, khám chữa bệnh miễn phí, phẫu thuật, phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật, khám sàng lọc, đánh giá lại tình hình suy dinh dưỡng trẻ em được triển khai đồng bộ.

7. Khoa học công nghệ, tài nguyên và bảo vệ môi trường

Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống được đẩy mạnh. Từ năm 1997 đến nay có hàng ngàn đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện. Nhiều mô hình khoa học và công nghệ có hiệu quả được triển khai như: bảo tồn, phát triển cây dược liệu quý hiếm Trà hoa vàng, ba kích; trồng chanh tứ quý, cam không hạt (cam V2) chất lượng cao; nhà kính, nhà lưới ứng dụng công nghệ cao; sản xuất, cung ứng chế phẩm Biomix1; xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ tách rắn-lông... tuyển chọn và phát triển một số giống lúa thuộc

nhóm Japonica chất lượng trên địa bàn tỉnh; trồng thử nghiệm một số giống Ớt thương phẩm nhập nội; ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo để phát triển đàn trâu lai Murrah tại Vĩnh Phúc...; nhiều kỹ thuật y học mới, bài thuốc y học cổ truyền được triển khai, áp dụng, góp phần nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Tài nguyên đất đai, khoáng sản được tăng cường quản lý. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 23/4/2012 về quản lý và sử dụng tài nguyên trên địa bàn. Hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được tỉnh ban hành theo quy định nhằm định hướng sử dụng đất bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, phát huy được nguồn lực đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Công tác chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ và chấp thuận các dự án thu hồi đất được thực hiện đúng quy định. Công tác quản lý khoáng sản, giải quyết các vụ khai thác khoáng sản trái phép được tăng cường. Thực hiện điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước, thống kê các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã có cách tiếp cận mới về xây dựng cơ chế, chính sách về đất dịch vụ đảm bảo đúng pháp luật, hài hòa 3 lợi ích, chú trọng đảm bảo lợi ích của người dân bị mất đất và giải quyết đất ở, nhà ở của nhân dân. HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết về giải quyết chính sách đất dịch vụ và được UBND tỉnh cụ thể hóa bằng các quyết định quy định về bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, thực hiện phân cấp, phân quyền, phân trách nhiệm và tạo quyền chủ động cho cấp huyện, cấp xã giải quyết về đất dịch vụ; các sở, ban, ngành đã ban hành hướng dẫn liên ngành về trình tự, thủ tục, phê duyệt địa điểm, giải phóng mặt bằng, thu hồi và giao đất thực hiện dự án đầu tư... Vì vậy, những vướng mắc về đất dịch vụ tồn tại rất nhiều năm đã được giải quyết, nguồn thu từ đất tăng dần qua các năm góp phần tạo nguồn lực cho chi đầu tư phát triển.

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường được các cấp, các ngành tăng cường chỉ đạo. Nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường nông thôn đã được ban hành, trong đó tỉnh đã tập trung hỗ trợ xây dựng, cải tạo rãnh tiêu thoát nước thải, đầu tư công trình xử lý nước thải sinh hoạt phân tán cho các cụm tuyến dân cư, hỗ trợ xây dựng hầm biogas, đầu tư xây dựng 35 lò đốt rác thải sinh hoạt quy mô cấp xã,.... góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn. Công tác thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị, các hoạt động về ứng phó, biến đổi khí hậu được triển khai tốt.

8. Xây dựng chính quyền và cải cách tư pháp

Công tác xây dựng chính quyền từ khi tái lập tỉnh đến nay có nhiều đổi mới. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Tỉnh ủy Vĩnh Phúc đã ban hành Đề án số 01-ĐA/TU ngày 30/11/2016, Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 08/12/2016. Kết quả đến nay đã có 100% các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện đã được quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định. Các sở, ngành thực hiện giảm 48 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và 26 phòng chuyên môn thuộc các Chi cục. UBND cấp huyện đã giảm 10 phòng chuyên môn. Toàn tỉnh đã giảm 116 đơn vị sự nghiệp. Sáp nhập xã Tân Cương và xã Phú Thịnh thuộc huyện Vĩnh Tường thành xã Tân Phú. Sáp nhập 272 thôn, tổ dân phố. Từ năm 2015 đến nay toàn tỉnh đã thực hiện cắt giảm 2.796 chỉ tiêu công chức, viên chức, hợp đồng lao động. Giải quyết chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng đối với 1.986 công chức, viên chức, lao động hợp đồng. Các cơ quan, đơn vị, địa

phương thường xuyên chủ động, rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức đảm nhận nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn đào tạo, năng lực công tác, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, độ tuổi, giới tính. Công tác tuyển dụng được thực hiện bằng hình thức thi tuyển theo vị trí việc làm và đảm bảo theo nguyên tắc chỉ tuyển dụng trong phạm vi số biên chế được giao và thay thế không quá 50% số tinh giản biên chế, nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc theo quy định. Bộ nhiệm cán bộ lãnh đạo được đổi mới, đã thực hiện thí điểm thi tuyển lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng qua đó 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn theo quy định.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được đẩy mạnh, từng bước có chuyển biến tích cực, nội dung, phương pháp và hình thức tuyên truyền phong phú, ngày càng chất lượng và đi vào chiều sâu với nhiều cách làm mới, hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật của cán bộ và nhân dân, từng bước tiệm cận với việc xã hội hóa phổ biến, giáo dục pháp luật. Công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật được quan tâm, ngành tư pháp đã thẩm định gần 2 nghìn lượt dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách, phòng ngừa, phát hiện các vi phạm nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật cũng như đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, minh bạch, tạo môi trường pháp lý thông thoáng để phát triển kinh tế - xã hội.

9. Quốc phòng, an ninh và hoạt động đối ngoại

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm. Các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang tỉnh thường xuyên duy trì và thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo đúng quy định; phối hợp hiệp đồng chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương, nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn để sẵn sàng xử trí các tình huống có thể xảy ra. Các cuộc diễn tập các cấp được chuẩn bị chu đáo, chỉ đạo triển khai hiệu quả, tỉnh đã chỉ đạo tổ chức 3 cuộc diễn tập chiến đấu khu vực phòng thủ cấp tỉnh (năm 2009, năm 2016 và năm 2021), hàng chục cuộc diễn tập cấp huyện, hàng trăm cuộc diễn tập cấp xã và nhiều cuộc diễn tập ứng phó sự cố thiên tai tìm kiếm cứu nạn kết hợp diễn tập phòng thủ dân sự đều được cấp trên đánh giá đạt loại giỏi. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tuyển quân sự được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc các bước, hàng năm tỉnh đã giao quân cho các đơn vị quân đội đạt 100% chỉ tiêu được giao. Các chính sách hậu phương quân đội, giải quyết chế độ chính sách nghỉ hưu, xuất ngũ, thôi việc... được chú trọng và thực hiện đúng quy định.

An ninh chính trị được giữ vững, phương châm “an ninh chủ động”, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ được thực hiện tốt. Trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, các biện pháp đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được triển khai mạnh mẽ góp phần kiềm chế sự gia tăng của các loại tội phạm, tỷ lệ điều tra khám phá đạt cao, trong đó tỷ lệ điều tra trọng án đạt 100%, không để hình thành tội phạm có tổ chức, tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”. Công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông được tăng cường; tập trung triển khai các giải pháp phòng ngừa, hạn chế tai nạn giao thông, qua đó góp phần làm giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí. Nội dung, hình thức, biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ

quốc gắn với các phong trào thi đua yêu nước được đổi mới. Hoàn thành việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, đến nay đã điều động, bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã tại 120/120 xã, thị trấn.

Hợp tác, giao lưu, kết nối với các đối tác nước ngoài trên cả 3 lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa đã được tăng cường. Tỉnh duy trì và phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác truyền thống, mở rộng và thiết lập quan hệ với các đối tác mới. Hiện nay, Vĩnh Phúc có quan hệ hợp tác hữu nghị với tỉnh Chungcheongbuk (Hàn Quốc), tỉnh Akita (Nhật Bản) và các tỉnh Bắc Lào. Từ nền tảng quan hệ được thiết lập, tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động trao đổi đoàn các cấp, nhiều hoạt động giao lưu, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm trên các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, nông nghiệp... được thực hiện. Thông qua các diễn đàn song phương, đa phương, các hội chợ thương mại quốc tế tỉnh đã đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động viện trợ phi chính phủ. Hằng năm, tỉnh tổ chức các đoàn thăm hữu nghị kết hợp xúc tiến đầu tư, tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài để quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh với bạn bè quốc tế, cùng với đó là việc phối hợp tốt với Đại sứ quán các nước tại Việt Nam để tăng cường hợp tác hữu nghị và tranh thủ kêu gọi các dự án đầu tư. Các hoạt động ngoại giao văn hóa, thông tin, tuyên truyền đối ngoại cũng được triển khai tích cực, trong đó đã tăng cường giới thiệu, quảng bá các đặc trưng văn hóa, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến bạn bè trong nước và quốc tế qua nhiều hình thức đa dạng như tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, xuất bản các ấn phẩm, chuyên san giới thiệu về tỉnh...

II. MỘT SỐ ĐIỂM NHẤN VỀ THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Một số điểm nhấn về thành tựu phát triển kinh tế - xã hội

Một là, kinh tế nhiều năm duy trì tốc độ tăng trưởng cao, bình quân tăng 13,42%/năm, quy mô kinh tế ngày càng lớn, đến năm 2020 đạt 123,6 nghìn tỷ đồng đứng thứ 14 cả nước, thứ 6 trong vùng đồng bằng sông Hồng, ước năm 2021 đạt 136,2 nghìn tỷ đồng tăng gấp 69,6 lần so với năm 1997 (năm 1997: 1,96 nghìn tỷ đồng). GRDP bình quân đầu người liên tục tăng trưởng, đến năm 2020 cao gấp 1,73 lần so với mức trung bình của cả nước, đứng 5/11 tỉnh thuộc Vùng Đồng bằng sông Hồng và đứng vị trí thứ 10/63 tỉnh/thành phố cả nước. Ước năm 2021, đạt 114,3 triệu đồng/người cao gấp 52,5 lần so với năm 1997.

Hai là, thu ngân sách liên tục đạt những mốc mới và luôn nằm trong TOP các địa phương trong cả nước có số thu cao nhất, hiện nay Vĩnh Phúc là 1 trong 16 tỉnh có điều tiết về Ngân sách Trung ương với tỷ lệ cao (47%). Năm 2019 đạt trên 35 nghìn tỷ đồng, là tỉnh có số thu ngân sách đứng thứ 8 cả nước và thứ 4 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; năm 2020 và năm 2021 mặc dù tác động của đại dịch Covid-19 nhưng tổng thu ngân sách của tỉnh vẫn đạt trên 32 nghìn tỷ đồng, cụ thể năm 2020 đạt 32,59 nghìn tỷ đồng và năm 2021 ước tổng thu ngân sách của tỉnh đạt 32,1 nghìn tỷ đồng gấp 282 lần so với số thu ngân sách của năm 1997.

Ba là, thu hút đầu tư trở thành “điểm sáng” của cả nước. Khi mới tái lập tỉnh mới có 8 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và 1 dự án có vốn đầu tư trong nước (DDI) thì đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh đã có 429 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký là 7,1 tỷ USD của 20 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào tỉnh, trong đó có

các quốc gia phát triển như Mỹ, Nhật, các quốc gia Châu Âu và 824 dự án DDI với tổng vốn đầu tư là gần 110 nghìn tỷ đồng.

Bốn là, nhiều lĩnh vực cơ sở hạ tầng từng bước được đầu tư hiện đại. Sau 25 năm tái lập, nhiều lĩnh vực hạ tầng có sự vượt trội so với các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng và các tỉnh lân cận. Đô thị Vĩnh Phúc văn minh, hiện đại, đáng sống đang dần hiện hữu. Đến hết năm 2021 đã có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 36 thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 6/9 huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Năm là, sản xuất công nghiệp trở thành nền tảng của nền kinh tế. Từ chỗ chỉ có 1 khu công nghiệp khi mới tái lập, đến nay tỉnh đã có 14 khu công nghiệp được cấp giấy chứng nhận đầu tư và đã có nhiều nhà đầu tư với thương hiệu nổi tiếng toàn cầu như Toyota, Honda, Piaggio hoạt động thành công tại tỉnh, đồng thời đang tiếp tục mở rộng dự án với quy mô lớn, tạo sức hút hấp dẫn kéo theo nhiều dự án vệ tinh đến Vĩnh Phúc. Trong nông nghiệp, tỉnh đã phát huy truyền thống và tiếp tục có những cơ chế, chính sách đi tiên phong cả nước, trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số vùng sản xuất trồng trọt, chăn nuôi quy mô tập trung, nhiều sản phẩm nông nghiệp của tỉnh có thương hiệu đã được xuất khẩu như thanh long ruột đỏ, ớt quả, dưa chuột, su su, chuối tiêu hồng... một số loại cây lâu năm có giá trị kinh tế cao như Trà hoa vàng, Cát sâm, Hà thủ ô đỏ, Ba kích... đã và đang được người dân tăng diện tích gieo trồng. Hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch từng bước hiện đại với nhiều trung tâm mua sắm, siêu thị, nhà hàng, khách sạn, ngân hàng,... hình thành và hoạt động hiệu quả.

Sáu là, giáo dục đạt nhiều thành tựu nổi bật, được đánh giá là một trong những tỉnh, thành có chất lượng giáo dục tốt nhất cả nước. Đến năm 2019 đã có 100% trường công lập đạt chuẩn quốc gia. Vĩnh Phúc là tỉnh thứ 5 của toàn quốc được công nhận đạt chuẩn phổ cập mẫu giáo 5 tuổi vào năm 2013 và đạt phổ cập tiểu học mức độ 2 năm 2014. Một số công trình giáo dục khang trang, hiện đại đã được đầu tư, đưa vào sử dụng, điển hình như Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc, Trường THPT Nguyễn Thị Giang, Trường THPT Trần Hưng Đạo... Các chỉ số chung về giáo dục của toàn tỉnh đều vượt các tiêu chí do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi đạt nhiều thành tích nổi bật là thế mạnh của tỉnh. Số lượng và chất lượng học sinh giỏi quốc gia ổn định ở mức cao so với các tỉnh, thành trong cả nước. Học sinh Vĩnh Phúc có mặt ở tất cả các sân chơi trí tuệ cấp quốc gia, khu vực và quốc tế và luôn đạt thứ hạng cao, nhiều học sinh đạt huy chương trong các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế.

Bảy là, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được đặc biệt quan tâm, công tác phòng, chống dịch Covid-19 được Trung ương và các tỉnh, thành phố đánh giá cao về cách làm và kết quả thực hiện. Với sự quyết liệt, chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống đại dịch Covid-19, Vĩnh Phúc đã cơ bản khống chế được dịch, bảo vệ “vùng xanh”, thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế - xã hội. Mạng lưới các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã và đang quan tâm đầu tư mở rộng và nâng cấp, đặc biệt công trình Bệnh viện Sản Nhi tỉnh quy mô 500 giường bệnh đã hoàn thành đưa vào sử dụng và đang gấp rút hoàn thành công trình Bệnh viện Đa khoa tỉnh quy

mô 1.000 giường bệnh. Các thiết bị y tế hiện đại đã và đang được quan tâm đầu tư, đội ngũ y, bác sỹ thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe cho nhân dân...

Tám là, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội được đảm bảo và đạt được những kết quả tích cực. Các chính sách về giải quyết việc làm, giảm nghèo, bảo trợ xã hội được ban hành với nhiều điểm, nhiều nội dung, nhiều mức hỗ trợ cao hơn bình quân cả nước. Trên địa bàn tỉnh không còn nhà tạm, không có hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách, người có công. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều liên tục giảm và đến năm 2021 ước chỉ còn dưới 0,5%.

Chín là, tổ chức sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức được thực hiện hiệu quả, qua việc sắp xếp, tinh gọn, tinh giản hàng năm đã tiết kiệm chi ngân sách hàng trăm tỷ đồng; các cơ chế, chính sách đột phá về thu hút nhân tài, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã được ban hành và đang tổ chức thực hiện tốt. Công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính được chú trọng, việc sớm hình thành Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện; duy trì bộ phận một cửa liên thông ở cả ba cấp và từng bước hiện đại hóa nền hành chính công với nhiều thủ tục hành chính được ứng dụng công nghệ thông tin ở mức độ 3, mức độ 4 đã giúp cho một số chỉ số của tỉnh như PAPI, PCI, SIPAS... trong nhóm ở mức khá.

Mười là, công tác quốc phòng, an ninh được củng cố và tăng cường, chỉ đạo thành công các cuộc diễn tập, luyện tập khu vực phòng thủ hàng năm, trong đó đặc biệt là cuộc diễn tập khu vực phòng thủ một bên, ba cấp năm 2009, 2016 và năm 2021 làm điểm cho Quân khu và được đánh giá cao. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Vĩnh Phúc rút ra một số bài học kinh nghiệm trong phát triển kinh tế - xã hội như sau:

Một là, quyết liệt trong đổi mới tư duy, nội dung và phương thức lãnh đạo, chỉ đạo; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; củng cố, xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị. Kế thừa, phát huy truyền thống năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu và cán bộ, đảng viên; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ bản lĩnh chính trị, năng lực, phẩm chất, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Hai là, trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, cách làm bài bản, dân chủ, chắc chắn, có bước đi thích hợp. Xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, các khâu đột phá để tập trung lãnh đạo thực hiện.

Ba là, Phát huy lợi thế của tỉnh, phát triển toàn diện, phát triển hài hòa trên cả ba trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi trường, lấy sự ổn định và tăng trưởng kinh tế bền vững là mục tiêu xuyên suốt; trong đó phát triển công nghiệp là nền tảng, động lực của nền kinh tế; tập trung phát triển các ngành dịch vụ, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, giải quyết các vấn đề xã hội, không ngừng cải thiện, nâng cao thu nhập và phúc lợi của nhân dân; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bốn là, trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 có sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự vào cuộc và đồng thuận của toàn thể nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh với tinh thần “chống dịch như chống giặc”; kiên định biện pháp “chủ động ngăn chặn - phát hiện sớm - cách ly kịp thời - khoanh vùng gọn - dập dịch triệt để - điều trị hiệu quả”, phương châm “bốn tại chỗ”; minh bạch trong việc cung cấp thông tin, truyền thông sâu rộng, tạo được sự tham gia, hưởng ứng tích cực, đồng thuận của người dân trong công tác phòng, chống dịch; không chủ quan lơ là, nhưng cũng không lo lắng, hoang mang, duy trì vững chắc thành quả bên trong, chặn đứng nguy cơ xâm nhập dịch từ bên ngoài./.